



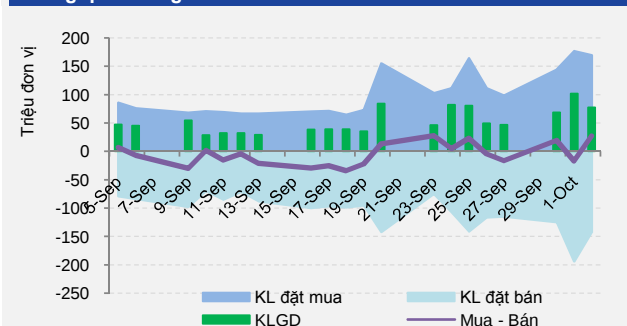
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 2/10/2013

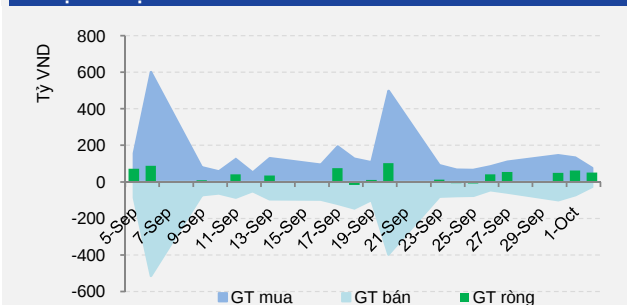
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	494.4	61.1
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 0.2%
KLGD (CP)	77,327,740	27,340,979
GTGD (tỷ đồng)	1,033.28	218.08
Tổng cung (CP)	142,146,800	56,489,000
Tổng cầu (CP)	169,452,190	53,012,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	908,350	169,120
KL mua (CP)	3,467,470	745,400
GTmua (tỷ đồng)	77.14	4.35
GT bán (tỷ đồng)	26.48	2.18
GT ròng (tỷ đồng)	50.67	2.17

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.32%	7.4	1.5	1.1%
Công nghiệp	↑ 0.94%	71.6	1.1	15.9%
Dầu khí	↑ 0.10%	7.3	1.5	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.48%	13.2	1.8	3.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.91%	8.7	2.9	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.72%	14.6	4.9	15.6%
Ngân hàng	↑ 0.30%	7.0	1.3	6.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.71%	9.1	2.0	11.8%
Tài chính	↑ 1.33%	16.2	2.4	28.7%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.21%	9.4	3.4	14.8%
VN - Index	↑ 0.44%	12.9	2.9	83.2%
HNX - Index	↑ 0.20%	27.3	1.5	16.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,167,360	1.1%	1,020,990	1.0%
GTGD (tỷ VND)	35,086	2.1%	21,058	1.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Áp lực cung giá cao tiếp tục tăng khi VN-Index tiến đến mốc 496 điểm, tương đương ngưỡng cản 23.6% của dải Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ cuối năm 2012 đến tháng 6/2013. Chỉ báo xung lực thị trường vẫn cho tín hiệu tích cực, thể hiện sự tham gia mạnh hơn của dòng tiền. Xu hướng tăng điểm ngắn hạn của thị trường vẫn đang duy trì, với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 500-510 điểm. Với áp lực cung có xu hướng gia tăng, chỉ báo RSI đang tăng gần mức 70 - gần mức quá mua - khả năng thị trường điều chỉnh khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật không nhỏ.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm so với phiên trước. Nhìn chung thị trường diễn biến thận trọng hơn trước ngưỡng kháng cự của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61.3 điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến giằng co tại ngưỡng cản kỹ thuật trong phiên ngày mai. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét bán ra đối với cổ phiếu đạt kỳ vọng lợi nhuận.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét bán ra đối với cổ phiếu đạt kỳ vọng lợi nhuận.

- VN-Index tăng 6.02 điểm (1.24%), đóng cửa ở mức 492.63 điểm. Đây cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này.

- HNX-Index giảm 0.03 điểm (0.05%), xuống 60.93 điểm. Đây là giảm điểm đầu tiên sau 8 phiên tăng điểm liên tiếp của chỉ số này.

- Thị trường hôm nay đón nhận khá nhiều báo cáo vĩ mô của các tổ chức quốc tế như HSBC, ADB cũng như của tổ chức trong nước như UBGSQG, Ủy ban Kinh tế Quốc hội. Theo đó nhận định chung đều đánh giá tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế trong nước, HSBC còn cho rằng kinh tế Việt Nam đã qua giai đoạn khó khăn nhất. Tuy nhiên những rủi ro về sức mua của thị trường nội địa, hoạt động tái cơ cấu chậm triển khai vẫn là những vấn đề các tổ chức trên quan tâm khi đánh giá về triển vọng của Việt Nam. Hầu hết các báo cáo đều cho rằng tăng trưởng GDP năm 2013 của Việt Nam khó đạt mục tiêu 5.5% đề ra, phần lớn dao động trong khoảng 5.2-5.3%.

- Với diễn biến hạ nhiệt của lạm phát, hệ số CDS của Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm mạnh. Hiện CDS kỳ hạn 1 năm, 3 năm, 5 năm lần lượt là 117, 195, và 276 điểm, so với mức 144, 222 và 297 ở thời điểm cách đây 1 tháng. CDS giảm thể hiện đánh giá tích cực hơn của NĐTNN với bối cảnh vĩ mô trong nước.

- Hôm nay, các phương tiện thông tin đại chúng cũng đưa tin hiện đang có 10 TCTD đặt vấn đề bán nợ cho VAMC, trong đó có 4 đơn vị có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Ngay sau Agribank, VAMC tiếp tục ký mua nợ xấu của các TCTD khác, trong tuần này là SCB, SHB và PGBank. VAMC cũng đang kiến nghị Thủ tướng áp lãi suất tối thiểu 2%/năm thay vì lãi suất tái cấp vốn 7%/năm đang áp dụng thông thường hiện nay, để giảm bớt khó khăn cho các TCTD.

- Việc giải ngân gói tín dụng hỗ trợ nhà ở trị giá 30 nghìn tỷ đồng tiếp tục diễn biến chậm chạp. Mặc dù đã triển khai được hơn 4 tháng nhưng tại TP.HCM, gói hỗ trợ mới chỉ giải ngân được 15.3 tỷ đồng. Theo Hiệp hội BĐS, việc giải ngân chậm ngoài lý do vướng mắc thủ tục thì quan trọng nhất là nguồn cung nhà ở theo điều kiện cho vay gói 30 nghìn tỷ hiện quá ít ỏi.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.15 điểm (0.44%), lên 494.39 điểm. Áp lực cung tiếp tục tăng mạnh khi thị trường tăng đến mốc 496 điểm, mức cao nhất đã thiết lập trong phiên trước đó.

- KLGD tăng mạnh 49% so với phiên giao dịch trước, đạt 98 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 63.3 điểm, tâm lý tích cực tiếp tục duy trì. Đường MACD vẫn đang nói rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu, đã tăng lên trên mức 0, cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Áp lực cung giá cao tiếp tục tăng khi VN-Index tiến đến mốc 496 điểm, tương đương ngưỡng cản 23.6% của dải Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ cuối năm 2012 đến tháng 6/2013. Chỉ báo xung lực thị trường vẫn cho tín hiệu tích cực, thể hiện sự tham gia mạnh hơn của dòng tiền. Xu hướng tăng điểm ngắn hạn của thị trường vẫn đang duy trì, với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 500-515 điểm. Với áp lực cung có xu hướng gia tăng, chỉ báo RSI đang tăng gần mức 70 - gần mức quá mua - khả năng thị trường điều chỉnh khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật không nhỏ. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét bán ra đối với cổ phiếu đạt kỳ vọng lợi nhuận.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng 0.12 điểm (0.2%), lên 61.05 điểm.

- KLGD giảm 33% so với phiên trước, đạt 25 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 tăng lên 56.9 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm so với phiên trước. Nhìn chung thị trường diễn biến thận trọng hơn trước ngưỡng kháng cự của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61.3 điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến giằng co tại ngưỡng cản kỹ thuật trong phiên ngày mai. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, có thể xem xét bán ra đối với cổ phiếu đạt kỳ vọng lợi nhuận.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, dự kiến KQKD Q3 khả quan.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,629	4,489	5.1	1.47	11.97	34.97
2	PVT	85.47	85.0%	129.28	48.2%	331.5%	11,344	461	12.14	0.49	1.32	4.19
3	HAP	20.22	481.0%	21.47	407.6%	159.0%	19,050	394	13.96	0.29	1.47	2.06
4	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.5	8.59	18.27
5	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
6	BTP	22.93	-66.6%	70.05	24.5%	130.2%	15,898	2,333	6.34	0.93	6.8	14.42
7	VND	67.48	127.5%	94.76	57.7%	125.1%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.7%	110.3%	24,424	(1,605)		1.1	-2.96	-6.77
9	NKG	14.98	672.2%	40.25	1185.9%	107.3%	10,142	(3,516)		0.95	-4.99	-31.78
10	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88

TOP CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ P/E THẤP NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.50	8.59	18.27
2	HLA	9.75	-8.4%	10.09	183.7%	29.2%	14,340	2,088	2.59	0.38	3.08	14.97
3	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88
4	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
5	AAA	13.14	23.7%	30.35	17.0%	73.6%	#N/A	#N/A	2.98	0.49	7.01	12.70
6	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	22,392	5,812	3.32	0.86	8.27	27.60
7	ITD	-3.11	-300.6%	6.56	108.3%	46.9%	17,027	1,111	3.33	0.22	2.10	6.72
8	SD6	11.74	70.9%	19.34	89.6%	46.8%	15,009	2,323	3.53	0.55	3.72	15.34
9	SD9	14.17	-16.9%	18.48	-29.6%	37.9%	18,366	2,270	3.66	0.45	2.96	12.45
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.7%	53.7%	22,068	5,128	3.72	0.87	6.68	24.01

CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q3 CAO NHẤT TRONG NĂM - GIAI ĐOẠN 2010-2012

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	ECI	1.69	-1.2%	2.17	0.93%	57.9%	13,947	2,996	3.5	0.75	13.68	20.58
2	HAD	13.55	25.5%	16.3	25.1%	81.5%	31,683	8,309	4.5	1.17	20.78	26.70
3	HBE	-0.25	-13.6%	-0.28	-3.70%	#DIV/0!	10,726	84	48.8	0.38	0.44	0.77
4	IMP	20.24	-6.0%	40.93	-5.65%	52.0%	43,498	4,559	7.8	0.82	8.88	10.37
5	NIS	0.20	5.3%	0.28	-41.67%	8.2%	10,646	24	354.7	0.80	0.15	0.22
6	PIV	-0.27	12.9%	-0.56	-80.65%	#DIV/0!	8,471	(672)		0.38	(3.77)	(7.68)
7	QST	0.59	-13.2%	0.01	-95.00%	0.3%	10,373	1,748	5.5	0.93	7.61	15.50
8	SGD	2.14	8.1%	2.39	7.17%	53.1%	12,343	2,630	4.4	0.93	11.95	18.60
9	SJD	44.68	17.2%	62.81	23.21%	559.3%	17,855	4,488	3.9	0.99	16.07	24.92
10	STC	3.23	17.9%	4.26	16.71%	42.1%	15,093	2,622	4.5	0.78	10.00	16.05
11	TLG	34.05	19.4%	62.53	5.52%	56.8%	27,199	4,647	8.0	1.36	10.11	17.99
12	TRA	42.39	54.5%	76.36	62.71%	51.9%	38,338	6,692	12.6	2.19	13.84	29.42

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

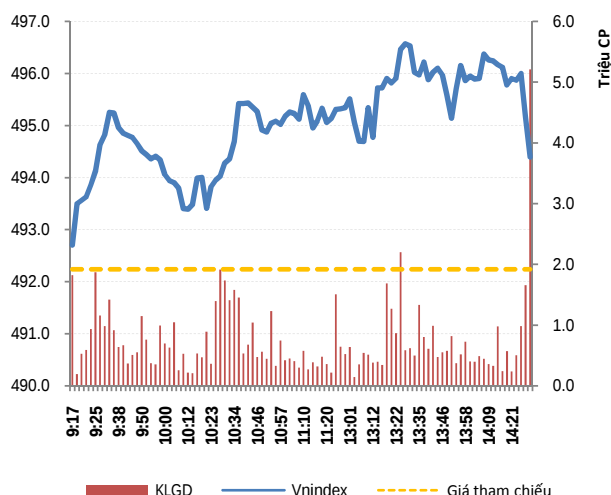
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 01/10/2013.

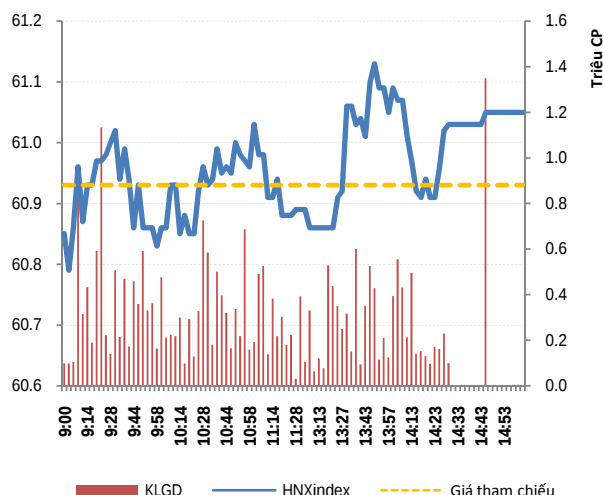


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

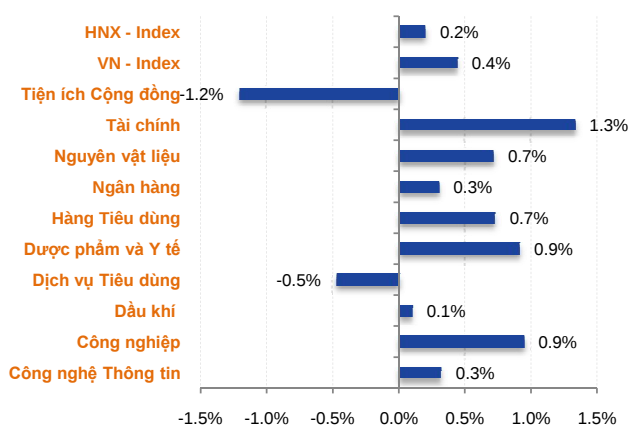
KLGD và VN-Index trong phiên



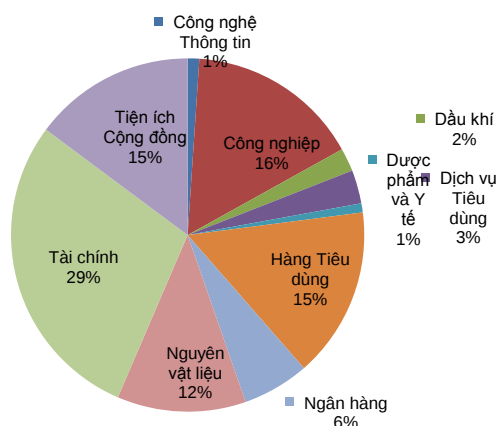
KLGD và HNX-Index trong phiên



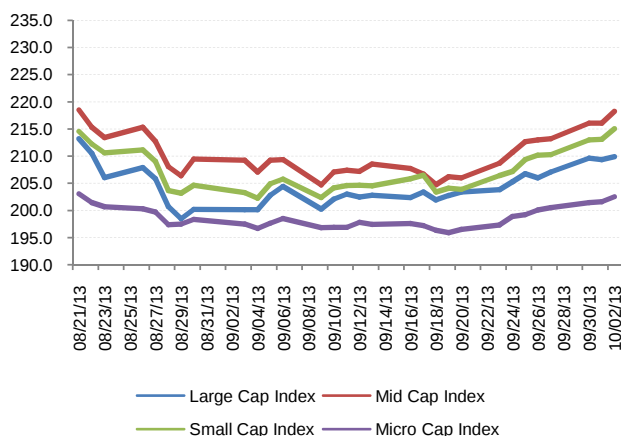
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



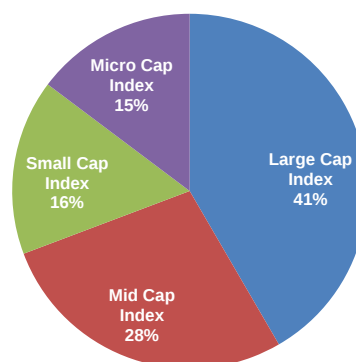
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VFMVF4	1,125,170	VSH	169,100
2	VCB	276,930	HPG	80,380
3	HAG	251,000	SVC	80,000
4	KBC	196,460	DPR	51,470
5	ITA	123,700	DHM	40,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDJ	277,200	DBC	75,600
2	SHB	227,400	VCG	39,200
3	SDH	75,000	PVX	15,400
4	PVS	35,100	LIG	10,000
5	FIT	20,000	SDT	5,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	5.9	6.2	↑ 5.08%	9,658,910
FLC	4.7	5.0	↑ 6.38%	7,238,920
HQC	5.9	6.1	↑ 3.39%	3,026,990
HAR	5.7	5.8	↑ 1.75%	2,510,570
PVT	9.2	9.2	→ 0.00%	2,477,640

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VCG	8.7	9.0	↑ 3.51%	3,347,030
SHB	6.8	6.8	↓ -0.62%	3,261,400
SCR	5.8	6.0	↑ 3.09%	2,699,470
PVX	2.9	2.9	↑ 0.03%	2,631,406
AAA	14.2	14.5	↑ 2.39%	1,044,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
TIX	18.7	20.0	1.3	↑ 6.95%
CLG	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
VNG	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
HVG	21.8	23.3	1.5	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.5	0.6	0.1	↑ 15.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
KTS	13.6	14.9	1.3	↑ 9.56%
CCM	8.6	9.4	0.8	↑ 9.30%
SJE	11.9	13.0	1.1	↑ 9.24%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTT	27.2	25.3	-1.9	↓ -6.99%
SEC	18.6	17.3	-1.3	↓ -6.99%
VID	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
DRL	24.1	22.5	-1.6	↓ -6.64%
LGC	12.1	11.3	-0.8	↓ -6.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	25.2	22.8	-2.4	↓ -9.52%
CMS	10.6	9.6	-1.0	↓ -9.43%
VE2	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.38%
AME	4.0	3.6	-0.4	↓ -9.10%
KBT	11.0	10.0	-1.0	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	9,658,910	0.3%	31	202.6	0.5
FLC	7,238,920	4.3%	661	7.6	0.3
HQC	3,026,990	2.7%	266	22.9	0.6
HAR	2,510,570	4.4%	448	12.9	0.5
PVT	2,477,640	5.6%	630	14.6	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3,347,030	1.3%	150	59.9	0.8
SHB	3,261,400	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	2,699,470	-3.1%	(450)	-	0.4
PVX	2,631,406	-36.4%	(2,642)	-	0.5
AAA	1,044,300	12.2%	3,868	3.8	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 10.0%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.2)
TIX	↑ 7.0%	11.9%	2,751	7.3	0.9
CLG	↑ 6.9%	9.9%	1,250	6.2	0.7
VNG	↑ 6.9%	0.2%	24	263.0	0.6
HVG	↑ 6.9%	14.9%	2,817	8.3	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 15.0%	-174.4%	(3,688)	-	0.7
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
KTS	↑ 9.6%	8.1%	1,995	7.5	0.6
CCM	↑ 9.3%	1.8%	455	20.7	0.4
SJE	↑ 9.2%	14.4%	3,451	3.8	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VFMVF4	1,125,170	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	276,930	9.9%	1,785	15.6	1.6
HAG	251,000	5.0%	938	22.5	1.2
KBC	196,460	-10.2%	(1,412)	-	0.7
ITA	123,700	0.3%	31	202.6	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	277,200	-0.3%	(27)	-	0.3
SHB	227,400	-2.9%	(335)	-	0.6
SDH	75,000	-16.1%	(1,276)	-	0.4
PVS	35,100	16.4%	2,738	5.9	1.0
FIT	20,000	6.4%	741	21.4	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	124,123	41.6%	6,429	10.2	3.8
VNM	116,687	40.5%	7,699	18.2	6.9
VCB	64,656	9.9%	1,785	15.6	1.6
CTG	63,298	19.2%	2,612	6.5	1.2
MSN	60,642	3.9%	856	100.5	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,237	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	5,937	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	609	39.4	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.48	9.9%	1,250	6.2	0.7
PPC	2.45	38.4%	5,411	3.8	1.3
TS4	2.41	7.9%	1,504	5.5	0.4
STT	2.33	-17.6%	(1,718)	-	0.3
KBC	2.33	-10.2%	(1,412)	-	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVA	3.29	-108.8%	(6,781)	-	0.7
VCG	3.29	1.3%	150	59.9	0.8
TTZ	3.20	1.3%	135	27.4	0.3
SCR	2.93	-3.1%	(450)	-	0.4
PVX	2.91	-36.4%	(2,642)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)